

QUYẾT ĐỊNH

**về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
ngành Y học dự phòng trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học,

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng trình độ đại học.
- Điều 2.** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2021 - 2022.
- Điều 3.** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Ưng*

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

THÁI NGUYÊN NĂM 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2823 /QĐ-ĐHYD ngày 30/12/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Y học dự phòng trình độ đại học
 - Tên tiếng Anh: Preventive Medicine Undergraduate Programme
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: Đại học
6. Ngành đào tạo: Y học dự phòng
7. Mã ngành đào tạo: 7720110
8. Thời gian đào tạo: 6 năm
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: chính quy
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Bác sĩ Y học dự phòng
 - Tên tiếng Anh: Preventive Medicine Doctor

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng được các kiến thức về văn hoá xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành Y học dự phòng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	✓	✓
II. Kỹ năng				
PEO 2	Chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tư vấn và dự phòng được các bệnh thường gặp.	✓		✓
PEO 3	Quản lý được các hoạt động/chương trình y tế và truyền thông giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	✓		✓
PEO 4	Phòng chống được các bệnh lây và không lây nhiễm; các vấn đề sức khoẻ môi trường, sức khoẻ nghề nghiệp; tai nạn thương tích; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.	✓		✓
PEO 5	Đánh giá được chất lượng công việc của cá nhân và các thành viên trong nhóm sau khi hoàn thành công việc.	✓		
PEO 6	Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân và đồng nghiệp.	✓		
PEO 7	Ứng dụng được ngoại ngữ, công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	✓		✓
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PEO 8	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan trong các hoạt động nghề nghiệp.	✓	✓	✓
PEO 9	Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể; tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.		✓	
PEO 10	Có khả năng lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.		✓	

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Y học dự phòng trong thực hành chuyên môn nghề nghiệp.		✓
PLO 2	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	✓	
PLO 3	Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.	✓	
PLO 4	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động Y học dự phòng.		✓
PLO 5	Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	
II. Kỹ năng			
PLO 6	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh và tư vấn sức khỏe cho cộng đồng.		✓
PLO 7	Chẩn đoán, xử trí được các bệnh thường gặp và một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng.		✓
PLO 8	Phát hiện được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và đề xuất biện pháp xử lý thích hợp.		✓
PLO 9	Lập được kế hoạch và triển khai thực hiện các biện pháp chăm sóc bảo vệ sức khỏe người bệnh, gia đình và cộng đồng		✓
PLO 10	Giám sát, đánh giá được các hoạt động/chương trình y tế tại cộng đồng.		✓
PLO 11	Thực hiện được kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.		✓
PLO 12	Phát hiện, theo dõi và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp về các bệnh lây và không lây nhiễm; các vấn đề sức khỏe môi trường; sức khỏe nghề nghiệp; tai nạn thương tích; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.		✓
PLO 13	Thiết kế và thực hiện được nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.		✓
PLO 14	Xác định được mức độ hoàn thành công việc của cá nhân và các thành viên trong nhóm.		✓
PLO 15	Lập được kế hoạch cho bản thân trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp.		✓

PLO 16	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.	✓	
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
PLO 17	Làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan trong các hoạt động nghề nghiệp.	✓	
PLO 18	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể.	✓	
PLO 19	Tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	✓	
PLO 20	Tham gia vào việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá các chương trình và cải thiện các hoạt động y tế.		✓

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
PEO1	x	x	x	x	x												x	x	X	x
PEO2						x	x				x	x					x	x	X	
PEO3								x	X	X	X	x					x	x	X	x
PEO4				x	x			x				x					x	x	x	x
PEO5														x	x		x	x	x	x
PEO6														x	x		x	x	x	x
PEO7			x										X			x	x	x	x	x
PEO8																	x			
PEO9																		x	x	
PEO 10																				x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

* Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

* Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

* **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở trung học phổ thông.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
D07	Toán, Hóa học, tiếng Anh	Toán
D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh	Toán

* **Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:** 60-100

* **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Tổ chức tuyển sinh:** Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản và quy định hiện hành về tuyển sinh đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và hoàn thành chương trình đào tạo giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

Khối lượng kiến thức toàn khóa 194 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), chia thành 12 học kỳ trong 6 năm.

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I. Khối kiến thức cơ bản: 37 tín chỉ (19,07%) (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)										
Học phần/module bắt buộc (19,07%): 37 tín chỉ										
1	HCGD1012	Giáo dục thể chất 1	2 (0/2)	0	60	40				1
2	HCGD1021	Giáo dục thể chất 2	1 (0/1)	0	30	20				3
3	HCGD1014	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4 (0/4)	0	120	80				1
4	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				3
5	HCTH1013	Triết học Mác-Lê Nin	3 (3/0)	45	0	105				2
6	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH1013		5
7	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT1012		6
8	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN1012		7
9	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS1012		8
10	HCKH1013	Khoa học cơ bản 1	³ (2,5/0,5)	37,5	15	97,5				1
11	HCKH1023	Khoa học cơ bản 2	3 (3/0)	45	0	105				1
12	HCXS1012	Xác suất thống kê y học	2 (2/0)	30	0	70				1
13	HCTO1012	Tin học	2 (0/2)	0	60	40				1
14	HCTA1012	Tiếng Anh 1	2 (2/0)	30	0	70				2
15	HCTA1022	Tiếng Anh 2	2 (2/0)	30	0	70		HCTA1012	HCHB1212 HCCS1225 HCCS1234	3
16	HCTA1032	Tiếng Anh 3	2 (2/0)	30	0	70		HCTA1022	HCHB1212 HCHI1212 HCHD1212	4
17	HCTA1042	Tiếng Anh 4	2 (2/0)	30	0	70		HCTA1032	HCHN1213 HCHK1212	5
18	HCTA1052	Tiếng Anh 5	2 (2/0)	30	0	70	HCTA1042			6
19	HCTA1062	Tiếng Anh 6	2 (2/0)	30	0	70	HCTA1052			7
20	HCTA1072	Tiếng Anh 7	2 (2/0)	30	0	70	HCTA1062			9
II. Khối kiến thức cơ sở ngành: 59 tín chỉ (30,41%)										
2.1. Học phần/module bắt buộc: 57 tín chỉ (29,38%)										
21	HCCS1215	Y cơ sở 1	⁵ (3,3/1,7)	50	50	150			HCCS1225 HCCS1234	2
22	HCCS1225	Y cơ sở 2	⁵ (4,7/0,3)	70	10	170			HCCS1215 HCCS1234	2
23	HCCS1234	Y cơ sở 3	4 (3/1)	45	30	125			HCCS1215 HCCS1225	2
24	HCHB1212	Hệ huyết học - Bạch huyết	² (1,5/0,5)	22,5	15	62,5	HCCS1215 HCCS1225 HCCS1234		HCTN1212	3
25	HCHM1212	Hệ tim mạch	² (1,7/0,3)	25	10	65			HCTN1212	3
26	HCHH1212	Hệ hô hấp	² (1,7/0,3)	25	10	67,5			HCTN1212	3
27	HCTN1212	Thực hành y khoa 1	2 (0/2)	0	60	40			HCHB1212 HCCS1225 HCCS1234	3

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
28	HCHE1212	Hệ tiêu hóa	2 (1,8/0,2)	27,5	5	67,5	HCCS1215 HCCS1225 HCCS1234		HCTN1222	4
29	HCHI1212	Hệ tiết niệu	2 (1,7/0,3)	25	10	65			HCTN1222	4
30	HCHD1212	Hệ Da - Cơ - Xương khớp	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5			HCTN1222	4
31	HCTN1222	Thực hành y khoa 2	2 (0/2)	0	60	40	HCTN1212		HCHE1212 HCHI1212 HCHD1212	4
32	HCHN1213	Hệ Nội tiết - Sinh sản	3 (2,5/0,5)	37,5	15	97,5	HCCS1215 HCCS1225 HCCS1234		HCTN1233	5
33	HCHN1212	Hệ thần kinh	2 (1,7/0,3)	25	10	65			HCTN1233	5
34	HCTN1233	Thực hành y khoa 3	3 (0/3)	0	90	60	HCTN1222		HCHN1213 HCHK1212	5
35	HCTC1213	Tính chuyên nghiệp	3 (3/0)	45	0	105				3
36	HCSK1212	Sức khoẻ môi trường – Sức khoẻ nghề nghiệp	2 (1/1)	15	30	55	YHKC1212			5
37	HCTC1212	TCQLYT - Chương trình YT quốc gia - Dân số	2 (2/0)	30	0	70				4
38	HCDD1212	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2 (1/1)	15	30	55				4
39	HCGD1212	Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe	2 (1/1)	15	30	55				8
40	YHKC1212	Khoa học môi trường sinh thái	2 (1/1)	15	30	55				4
41	HCPP1212	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1/1)	15	30	55		HCXS1012		7
42	HCDT1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55		HCCS1234		5
43	HCCĐ1212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55		HCKH1013 HCCS1215		6
2.2. Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (1,03%)										
44.1	YHDL1312	Dược lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55		HCCS1225		7
44.2	YHKR1312	Kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm	2 (1/1)	15	30	55				7
44.3	HCMS1312	Một sức khỏe	2 (1/1)	15	30	55				7
44.4	HCNH1312	Nhân học y học	2 (1/1)	15	30	55				7
III. Khối kiến thức chuyên ngành: 91 tín chỉ (47,42%)										
3.1. Học phần/module bắt buộc: 82 tín chỉ (42,27%)										
45	HCNO1414	Nội cơ sở	4 (2/2)	30	60	110		HCTN1212 HCTN1222		6
46	HCNC1414	Ngoại cơ sở	4 (2/2)	30	60	110		HCTN1233		6
47	HCNB1414	Nội bệnh lý 1	4 (2/2)	30	60	110		HCNC1414		7
48	HCNE1414	Ngoại bệnh lý 1	4 (2/2)	30	60	110		HCNO1414		7
49	HCSP1414	Sản - Phụ khoa 1	4 (2/2)	30	60	110		HCNC1414 HCNO1414		8
50	HCNK1414	Nhi khoa 1	4 (2/2)	30	60	110		HCNC1414 HCNO1414		8
51	HCYH1412	Y học cổ truyền	2 (1/1)	15	30	55		HCNC1414 HCNO1414		8
52	YHDS1412	Dân số học	2 (1/1)	15	30	55				12
53	HCTN1412	Truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	55				8
54	HCPH1412	Phục hồi chức năng	2 (1/1)	15	30	55		HCNC1414 HCNO1414		9
55	HCUT1412	Ung thư	2 (1/1)	15	30	55				9
56	HCNB1423	Nội bệnh lý 2	3 (1/2)	15	60	75	HCNB1414			9
57	HCNE1423	Ngoại bệnh lý 2	3 (1/2)	15	60	75	HCNE1414			9

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
58	HCSP1423	Sản - Phụ khoa 2	3 (1/2)	15	60	75	HCSP1414			10
59	HCNK1423	Nhi khoa 2	3 (1/2)	15	60	75	HCNK1414			10
60	YHTI1413	Truyền thông Giáo dục sức khỏe chuyên ngành	3 (1/2)	15	60	60		HCGD1212		11
61	YHTP1412	Thực tập YHDP 1	2 (0/2)	0	60	40				10
62	YHTP1422	Thực tập YHDP 2	2 (0/2)	0	60	40		YHTP1412		11
63	HCBL1412	Bệnh Lao	2 (1/1)	15	30	55				9
64	HCSK1412	Sức khoẻ tâm thần	2 (1/1)	15	30	55		HCNC1414 HCNO1414		7
65	YHHG1412	Y học gia đình	2 (1/1)	15	30	55				10
66	YHSD1412	Sử dụng các phần mềm để phân tích và quản lý số liệu	2 (0/2)	0	60	40				6
67	YHNU1413	Nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	3 (1/2)	15	60	60				10
68	YHDE1412	Dịch tễ học các bệnh lây và không lây	3 (1/2)	15	30	55		HCDT1212		9
69	YHSO1413	Sức khoẻ môi trường và thảm hoạ	4 (2/2)	30	60	90		HCSK1212		10
70	YHKE1412	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2 (2/0)	30	0	70				12
71	YHVS1413	Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp	3 (1/2)	15	60	60		YHKC1212 HCSK1212		12
72	YHDO1413	Dinh dưỡng chuyên ngành	3 (1/2)	15	60	60		HCDD1212		11
73	YHAT1413	An toàn thực phẩm chuyên ngành	3 (1/2)	15	60	60		HCDD1212		12

3.2. Học phần/module tự chọn: 10 tín chỉ (5,15%)

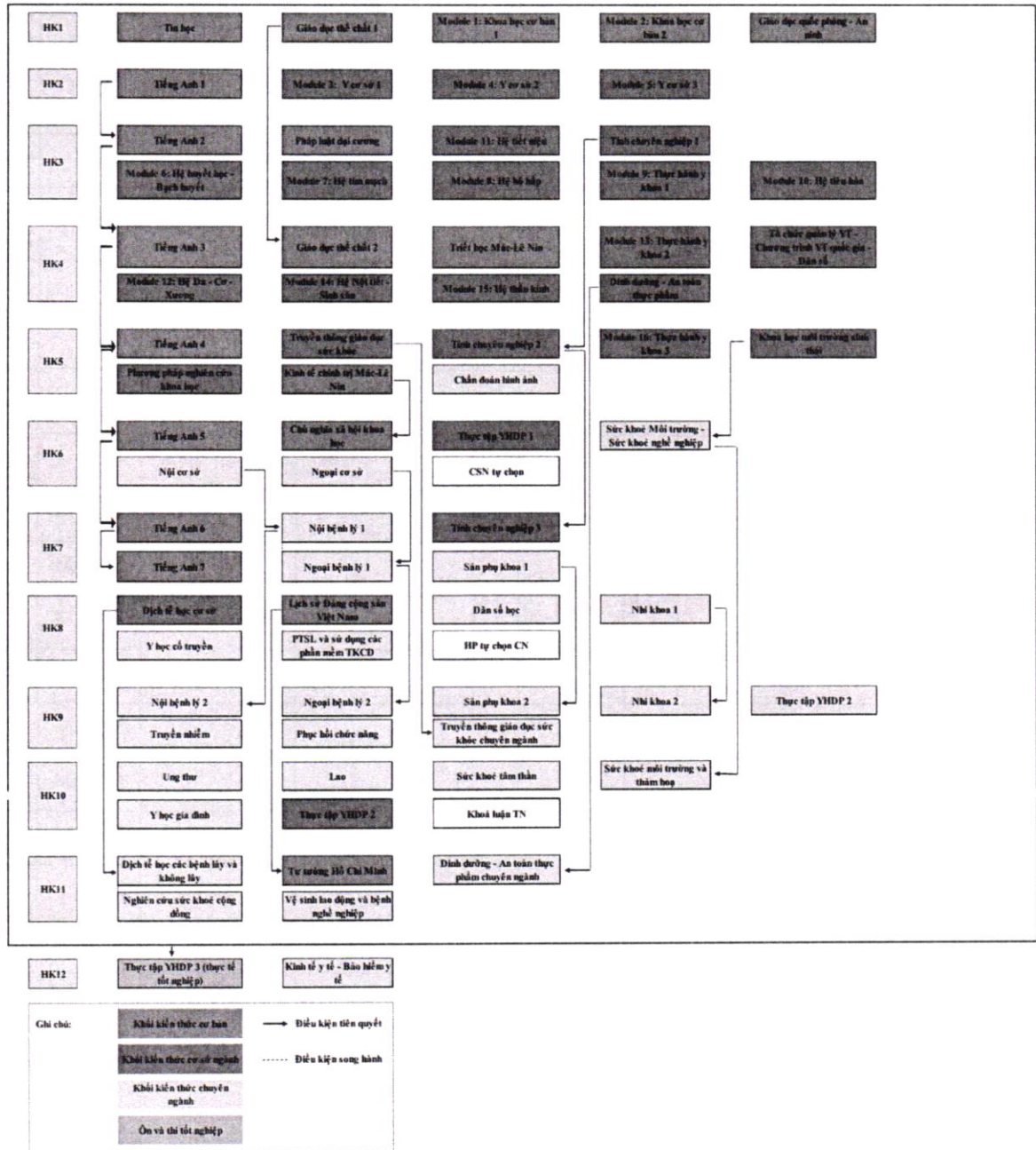
74.1	HCKS1512	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55				11
74.2	YHTR1512	Tiêm chủng mở rộng và vaccin trong công tác phòng chống dịch bệnh	2 (1/1)	15	30	55				11
74.3	YHTX1512	Tiếp thị xã hội	2 (1/1)	15	30	55				11
74.4	YHGS1512	Giám sát môi trường	2 (1/1)	15	30	55				11
74.5	HCGM1512	Gây mê hồi sức	2 (1/1)	15	30	55		HCTN1212 HCTN1222 HCTN1233		6
74.6	HCYP1512	Y pháp	2 (1/1)	15	30	55			HCTN1212 HCTN1222 HCTN1233	6
74.7	YHAT1512	An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế	2 (1/1)	15	30	55				11
74.8	YHDU1512	Dinh dưỡng lứa tuổi	2 (1/1)	15	30	55				11
74.9	YHQL1512	Quản lý nguồn lực	2 (1/1)	15	30	55				11
74.10	YHDL1512	Da liễu	2 (1/1)	15	30	55				11
74.11	YHMA1512	Mắt	2 (1/1)	15	30	55				11
74.12	YHTM1512	Tai – Mũi - Họng	2 (1/1)	15	30	55		HCTN1212 HCTN1222 HCTN1233		11
74.13	HCTK1512	Thần kinh	2 (1/1)	15	30	55				11
74.14	YHRH1512	Răng - Hàm - Mặt	2 (1/1)	15	30	55				11
74.15	YHKL1516	Khoá luận tốt nghiệp	6 (0/6)	0	180	120				11-12

IV. TỐT NGHIỆP: 6 tín chỉ (3,09%)

75	YHTT1616	Thực tế tốt nghiệp	6 (0/6)	0	180	120		Tất cả các HP thuộc		12
----	----------	--------------------	---------	---	-----	-----	--	---------------------	--	----

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								CTĐT		
		Tổng số	194 (112/82)	1680	2460	5560				

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



III. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng sau:

HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
HCKH1013		H					M	L				L		M			M	M	L	L
HCKH1023		M															L			
HCGD1012	M											M					L			
HCTO1012		M	H										M				M			
HCGD1014		L																		
HCXS1012		M	M	M	M								H							H
HCPL1012		L																		
HCGD1021	M											M								
HCTH1013		M																		
HCKT1012		M		M																
HCCN1012		M																		
HCTA1012		M														M	M			
HCTA1022		M														M	M			
HCTA1032		M														M	M			
HCTA1042		M														M	M			
HCTA1052		M														M	M			
HCTA1062		M														M	M			
HCTA1072		M														M	M			
HCTT1012		M																		
HCLS1012		M																		
HCCS1215	M													M			M			
HCCS1225	M	L	M					M			L	M		M			M	L	L	
HCCS1234	M																M			
HCHB1212	M						M	M				M					M	M		
HCHM1212	M																L		L	
HCHH1212	M													M			M			
HCTN1212						L	L										M	M	M	

HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
HCHE1212	M			M													M			
HCHI1212	M	M						M				M					M	M		
HCHD1212	M					M		M	M								H		M	
HCTN1222						L	L										M	M	M	
HCTC1212	M		H	M	M		H	M	M							L	M		M	M
HCDD1212	H			H	H			H			H	H					M	M	M	M
HCHN1213	M					L	L	L	L					L			M		M	
HCHN1212	M																L			
HCTN1233						L	L										M	M	M	
HCTC1213			L	LL	L									H	H		M		M	M
HCGD1212		M							H		H									M
YHKC1212	M				M	M	M				H						M	M	M	M
YHTP1412						M	M	H			H	M	M				M			
HCPP1212	M		L					L								L	H			
HCDT1212	M			L					M			H					L		L	
YHDL1312		H				H	H													M
YHSD1412	M		M							L		L	H	L				L		
YHKR1312	H			H	H			H			H	H					M	M	M	MM
HCMS1312	M							H				H					H			
HCNH1312	M							M											L	
HCNO1414	M					M	L	L	L	L	L	L					L	L	L	
HCNC1414	M		M			H						M		M	M		M			
HCCĐ1212	M					M	M										L			
HCNB1414	M					M	M	M	M	L	M	M					M	M	M	
HCNE1414	H		M			H	M	M			L	M		M	M		M	M		
HCSP1414		M				H	H	H									M	M	M	
HCNK1414	M					M	L	L	L	L	L	L					L	L	L	
HCYH1412						M	M										M	M	M	
HCSK1212	H			H	H			H									M	M	M	M

HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
YHDS1412	H				H			M	M									H		M
HCTN1412	M					M	M	M	M		M	M					M	M	M	
YHDL1512		M				M		M		H	H	M					M	M		M
HCNB1423	M					M	M	M	M	L	M	M					M	M	M	
HCNE1423	H		M			H	M	M			L	M		M	M		M	M		
HCSP1423		M				H	H	H									M	M	M	
HCNK1423	M					M	M	M	M	L	M	M					M	M	M	
YHTI1413	M			M	M			M		M		M	H					M		
YHTP1422	H			H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H			H	H	H	H
HCBL1412	M				M	M	M	M	M	M	M	M					H	H	L	L
HCSK1412	M					M	M					M					M		M	
YHNU1413	M			M	M			M		M		M	H					M		
YHDE1412	H			L					L	L							M			
YHSO1413	H			H	H			H			H						M	M	M	M
YHKE1412	M	M											M							L
YHVS1413	H			H	H			H			H						M	M	M	M
YHDO1413	H			H	H			H			HH						M	M	M	MM
YHAT1413	H			H	H			H			HH						M	M	M	MM
YHHG1412				M	L				H			M						M		L
HCKS1512	M											M					M			
YHTR1512	H			H					H								M			
YHTX1512	L	L	M	M					M								M		M	
YHGS1512	M			M	M			M				M					M	M	M	M
HCGM1512	H					H	H	H									M		M	
HCYP1512		M										M					H		M	
YHAT1512	M			M	M			M				M					M	M	M	M
YHDU1512	H			H	H			H				HH					M	M	M	MM
YHQL1512	M			H	M				M	M										H
YHMA1512	M					M	M	M						L			L		L	
YHTM1512	M					M	M	M						L			L		L	

HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
HCTK1512	M					M	M	M						L			L		L	
YHRH1512	M					M	M	M						L			L		L	
YHKL1516	H			H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H			H	H	H	H
YHTT1616	H			H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H			H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Thuyết trình	X	X	X	X	X									X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp hoạt động nhóm		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Học tập trải nghiệm (trên Lab)	X			X	X							X		X	X	X		X	X	X
Học tập phục vụ cộng đồng				X	X			X	X	X	X			X	X		X	X	X	X
Nghiên cứu tình huống					X									X	X		X	X	X	X
Dạy học dựa vào vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kỹ năng thực hành (cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu)	X	X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	PLO1 -PLO20	Ý thức học tập học phần lý thuyết và thực hành của sinh viên. Sự có mặt của sinh viên tham gia buổi học lý thuyết và thực hành	10%
KTTX	PLO1-PLO5	Thực hiện khi kết thúc 1/3 chương trình học tập Đánh giá kiến thức, năng lực tự học của sinh viên bằng kiểm tra tự luận/MCQ	10%

		Năng lực giải quyết vấn đề qua kỹ năng học thực hành lâm sàng, phòng thí nghiệm, cộng đồng	
Thi GHP	PLO6-PLO20	Điểm trung bình cộng các bài thực hành, hoặc đối với học phần chỉ có lý thuyết khi học sinh học được 2/3 nội dung học phần. Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống, thực hành thao tác trong phòng thí nghiệm, kỹ năng khám lâm sàng, giải quyết vấn đề tại cộng đồng ((chấm theo chỉ tiêu Rbric).	30%
Thi KTHP	PLO1-PLO20	Đủ điều kiện thi KTHP, học hết toàn bộ chương trình. Đánh giá kiến thức, của sinh viên bằng thi tự luận/MCQ	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tự luận	X	X		X	X											X				
MCQ	X	X	X	X	X											X				
Bảng kiểm						X	X	X	X		X	X								
OSCE	X					X	X	X	X			X								X
Bài tập tình huống	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X					X	X	X	X
Báo cáo, chuyên đề	X			X	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo.

Mô tả	Trường ĐHYD Thái Nguyên		Trường ĐHYD Cần Thơ		Trường ĐHYD Hải Phòng	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	37	19,07	50	24,27	39	18,14
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	57	29,38	50	24,27	38	17,67
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	2	1,03	12	55,82	17	7,91
KT chuyên ngành tự chọn	10	5,15				

Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	82	42,27	94	45,6	111	51,63
Tốt nghiệp	6	3,09	4	0	10	4,65
Tổng	194	100	210	100	215	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	<p>Định hướng giảng dạy những năm đầu theo CTĐT ngành Y khoa, các học phần định hướng ngành Y học dự phòng tổ chức giảng dạy xen kẽ các năm thứ 5-6. Nhất trí tổ chức giảng dạy tích hợp theo các module cho kiến thức cơ sở ngành</p> <p>Bổ sung một số học phần chuyên khoa lẻ: ung thư, tai mũi họng, phục hồi chức năng... trong CTĐT</p> <p>Bổ sung nội dung dạy học phần thảm họa và các bệnh mới nổi</p> <p>Tăng thời lượng các học phần tự chọn, học phần thực tập tốt nghiệp</p>	<p>Xây dựng CTĐT theo định hướng đổi mới như CTĐT ngành y khoa (tích hợp các module cơ sở ngành, sinh viên thực hành sớm ngay từ năm thứ 2, tăng thời lượng giảng dạy thực hành, chú trọng giảng dạy tiếng anh chuyên ngành)</p> <p>Tăng số học phần tự chọn, tăng thời lượng thực tập tốt nghiệp</p> <p>Điều chỉnh, bổ sung một số học phần, nội dung sang học phần chuyên ngành bắt buộc: y học gia đình, tiêm chủng, y học thảm họa, các bệnh nhiễm trùng mới nổi</p>
Cựu sinh viên	<p>Đa phần các ý kiến về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên).</p>	
Nhà tuyển dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêm chủng mở rộng và Các bệnh mới nổi thêm vào học phần bắt buộc - Đối với một số học phần Cơ sở hoặc chuyên ngành nên để làm bắt buộc: TTGDSK, TCMR và Vaccin, Phân tích số liệu và các phần mềm thống kê. - Tăng cường quản lý bệnh không lây, Dinh dưỡng và ATTP, Thảm họa và các bệnh mới nổi 	
Giảng viên	<p>Đa phần các ý kiến về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4</p>	

	và 5 (chiếm từ 80% trở lên).	
Sinh viên	Đa phần các ý kiến về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên).	

XII. Mô tả tóm tắt các Học phần/Module thuộc chương trình đào tạo

1. Giáo dục thể chất 1

Học phần giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo (CTĐT). Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của 02 môn thể thao đó là Nhảy cao và Bóng chuyền, thông qua phương pháp dạy học là thuyết trình kết hợp với thị phạm động tác, phương pháp chia nhóm tập luyện, games. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 và PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

2. Giáo dục thể chất 2

Học phần giáo dục thể chất 2 thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn thể thao Bóng rổ, thông qua phương pháp giảng dạy là thuyết trình kết hợp với thị phạm động tác, phương pháp chia nhóm tập luyện, games. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 và PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

3. Giáo dục quốc phòng - An ninh

Học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần gồm hai phần, phần I: Đường lối quân sự của Đảng đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Phần II: Công tác quốc phòng, an ninh gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân

tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

4. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng chống tham nhũng và vận dụng được các kiến thức trong quá trình thực hiện pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học là tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

5. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác Lê Nin thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần gồm 3 chương trang bị cho người học kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và thực tiễn hoạt động của người học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

6. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

7. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và

thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

8. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

9. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân; tư tưởng HCM về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

10. Module 1: Khoa học cơ bản 1

Module KHCB1 bao gồm học phần Vật lý - Lý sinh y học và Hóa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ 1 của CTĐT. Module trang bị cho người học các kiến thức và quy luật vật lý để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại trên lâm sàng; các kiến thức về nhiệt động học và động hóa học, nồng độ và tính chất của dung dịch, dung dịch chất điện li, những tính chất cơ bản của các nguyên tố kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ, một số

hợp chất hữu cơ như cacbohydrat, lipid, protein, có ý nghĩa quan trọng trong y học, là tiền đề để học các môn cơ sở ngành, các module hệ cơ quan, các học phần cận lâm sàng, lâm sàng và ứng dụng thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, clicker, làm bài tập, thuyết trình, làm mẫu/thực hành, thảo luận. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, vấn đáp, theo bảng kiểm, Module KHCB1 đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO19, PLO20 mức độ thấp; PLO14, PLO17, PLO18 mức độ trung bình; PLO2 mức độ cao của chương trình đào tạo.

11. Module 2: Khoa học cơ bản 2

Module KHCB2 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Module trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất của Di truyền ứng dụng trong Y học; Sinh học phát triển tạo cơ sở để sinh viên học tiếp các môn học của Y học cơ sở và lâm sàng. Module bao gồm các nội dung: đặc điểm cấu tạo, tái tạo của tế bào; quá trình hình thành và phát triển bình thường các cơ quan của cơ thể người ở thời kỳ phôi thai; giới thiệu các nguyên nhân, cơ chế gây ra các phát triển bất thường; đặc điểm bộ NST của người; đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học NST; các quy luật di truyền như đơn gen, đa gen, đa alen, giới tính, nguyên lý của một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học và tư vấn di truyền y học. Nội dung của module là những kiến thức cơ bản là nền tảng cơ sở khoa học giúp người học giải thích được các phát triển bất thường, hỗ trợ công tác tư vấn dự phòng, chẩn đoán và điều trị. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là: Thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: trắc nghiệm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình và PLO17 mức độ thấp của chương trình đào tạo.

12. Xác suất thống kê y học

Học phần Xác suất thống kê thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm một bài kiểm tra thường xuyên, một bài giữa kỳ và một bài thi kết thúc học phần. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO4, PLO5 mức độ trung bình; PLO13, PLO20 mức độ cao của chương trình đào tạo.

13. Tin học

Học phần Tin học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản để sử dụng máy tính, mạng Internet và các chương trình phần mềm ứng dụng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm thực hành trên máy tính và vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra

PLO2, PLO13, PLO17 mức độ trung bình và PLO3 mức độ cao của chương trình đào tạo.

14. Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 2 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến cơ thể người, các dấu hiệu và triệu chứng bệnh, khoa phòng, thiết bị làm việc và vị trí việc làm tại bệnh viện. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

15. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 3 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan như hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hô hấp, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/could và should/must, các cụm động động từ chỉ mục đích của hành động. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

16. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 4 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan như hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ da, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thì tương lai gần, câu bị động, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, động từ tình thái (should, must, have to). Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

17. Tiếng Anh 4

Học phần Tiếng Anh 4 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến các thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ nội tiết, hệ sinh sản nữ, hệ sinh sản nam, và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

18. Tiếng Anh 5

Học phần Tiếng Anh 5 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các tình huống khám chữa bệnh thực tiễn như Taking a History (Làm bệnh án), Examination and Investigation (Thăm khám và xét nghiệm), Diagnosis and Treatment (Chẩn đoán và điều trị), Administering medication (sử dụng thuốc), đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như thể bị động của thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu dùng chỉ dẫn cho bệnh nhân các tư thế khám bệnh, hướng dẫn, giải thích và trấn an bệnh nhân, đưa ra chẩn đoán và điều trị, và giải thích cho bệnh nhân cách sử dụng thuốc. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

19. Tiếng Anh 6

Học phần Tiếng Anh 6 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến các thuật ngữ chuyên ngành về Nội khoa như nội tim mạch, nội hô hấp, nội tiêu hóa, Ngoại khoa như ngoại thận, tiết niệu, ngoại tiêu hóa, Sản phụ khoa và Nhi khoa..., đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như so, such, too, enough và các cấu trúc so ... that, such ... that, enough ... to, cách nói trực tiếp gián tiếp với câu trần thuật, câu hỏi, yêu cầu và khuyên nhủ. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

20. Tiếng Anh 7

Học phần Tiếng Anh 7 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các chủ đề như tâm thần học, ung thư học, bệnh nhiệt đới và các giác quan đặc biệt, đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp cơ bản bao gồm so sánh, cụm động từ, từ nối, mệnh đề quan hệ gián lược. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm

thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

21. Y cơ sở 1

Module Y cơ sở 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Module này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về vị trí và đặc điểm cấu tạo giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người, kiến thức về cấu tạo của các mô cơ bản trong cơ thể người ở mức vi thể, siêu vi thể và giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các mô này. Bên cạnh đó các sinh viên biết được tổn thương cơ bản của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý cũng như các tổn thương viêm và u bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Từ đó giúp sinh viên có được các kiến thức cơ sở để học các module hệ cơ quan cũng như các môn lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm case lâm sàng và hướng dẫn tự học trên các tranh, mô hình, tiêu bản và trên xác. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm test MCQ, đánh giá sự chuyên cần và chạy trạm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO14, PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

22. Y cơ sở 2

Module Y cơ sở 2 gồm 5 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy học ở kỳ học 2 của CTĐT. Module Y cơ sở 2 là sự lồng ghép tích hợp của các kiến thức Y học cơ sở với lâm sàng giúp người học vận dụng được những hiểu biết quy luật chung của hoạt động và điều hòa hoạt động bình thường ở mức tế bào, các cơ quan trong duy trì hằng tính nội môi để giải thích những rối loạn chuyển hóa ở mức tế bào, cơ quan: rối loạn nước - điện giải, rối loạn thăng bằng acid-base, rối loạn chuyển hóa các chất, rối loạn thân nhiệt. Đồng thời giúp người học biết lựa chọn, phân tích được một số xét nghiệm cho chẩn đoán và điều trị. Trên cơ sở đó, người học có thể giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc và một số yếu tố ảnh hưởng đến dược lực học của thuốc, thực hiện được kỹ năng: đọc, viết đúng tên thuốc theo danh pháp quốc tế. Giúp học viên hình thành tính tự chủ, chịu trách nhiệm trong học tập và thực hành nghề sau này. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng và thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, biện luận ca lâm sàng, bảng kiểm thực hành. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO18, PLO19 mức độ thấp và PLO1, PLO7, PLO12, PLO14, PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

23. Y cơ sở 3

Module Y cơ sở 3 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Module trang bị cho người học kiến thức về các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, cách thức

cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch; cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch thường gặp (quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn), đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu trúc, cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng, nguyên lý, nguyên tắc các phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng, kiểm soát bệnh nhiễm trùng, nhiễm ký sinh trùng. Trang bị cho người học kỹ năng về thực hiện và phân tích kết quả một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về miễn dịch, vi sinh và ký sinh trùng cơ bản. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, tự học, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 và PLO17 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

24. Hệ huyết học - Bạch huyết

Module Hệ huyết học - Bạch huyết thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về cấu trúc, chức năng của cơ quan tạo máu và bạch huyết, quá trình biệt hóa bình thường của các dòng tế bào máu (hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu); chức năng đông - cầm máu bình thường và một số rối loạn. Với những kiến thức đó giải thích một số dấu hiệu lâm sàng, những thay đổi giá trị xét nghiệm và đưa ra cách dự phòng một số bệnh lý huyết học và bạch huyết thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm, chạy trạm. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO7, PLO8, PLO12, PLO17 và PLO18 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

25. Hệ tim mạch

Module tim mạch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Module này trang bị cho người học các kiến thức về cấu trúc, chức năng bình thường và điều hòa chức năng của hệ thống tuần hoàn. Dựa trên những kiến thức này sẽ giúp người học giải thích được cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh tim mạch phổ biến. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học bằng tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ và tự luận. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO17, PLO19 mức độ thấp và PLO1 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

26. Hệ hô hấp

Module Hệ Hô hấp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Module này sẽ trang bị cho người học cấu trúc, chức năng của hệ hô hấp, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, người học có thể giải thích được các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp, thấy được mối liên hệ về chức năng giữa hệ hô hấp với hệ

tim mạch và các hệ cơ quan khác; giải thích được cơ sở của các liệu pháp điều trị và dự phòng một số bệnh lý hô hấp thường gặp, tạo nền tảng cho các học phần chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, tự học, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 và PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

27. Thực hành y khoa 1

Module Thực hành Y khoa 1 (POM 3) thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Module này trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám các hệ cơ quan tim mạch, hô hấp và các kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu; kỹ thuật tiêm truyền, thở oxy. Module này cũng giúp người học có thái độ đúng mực nhưng thân thiện khi giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học bằng bảng kiểm, đóng vai và dạy học mô phỏng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá bằng bảng kiểm và OSCE. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO6, PLO7 mức độ thấp; PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

28. Hệ tiêu hóa

Module Hệ Tiêu hóa thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Module tiêu hóa cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các cơ quan trong cơ thể tham gia vào hệ tiêu hóa bao gồm cấu trúc và chức năng của các cơ quan đó trong vận động cơ học, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết và bài xuất các chất. Từ đó, người học có thể giải thích được một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh lý thường gặp của hệ tiêu hóa, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tiếp theo và hành nghề sau này. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo thảo luận, bài tập nhóm, MCQ. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO7 và PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

29. Hệ tiết niệu

Module Hệ tiết niệu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học thứ 4 của CTĐT. Module này trang bị cho người học kiến thức về hình thái, cấu trúc, chức năng của thận và đường dẫn niệu; giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể; giải thích được đặc điểm tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc dùng trong bệnh lý hệ tiết niệu. Từ đó người học có thể giải thích được biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý tiết niệu thường gặp; thấy được mối liên quan về chức năng hệ tiết niệu với các cơ quan khác; giải thích được cơ sở

của các biện pháp dự phòng và điều trị một số bệnh lý tiết niệu thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO2, PLO7, PLO8, PLO12, PLO17 và PLO18 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

30. Hệ Da - Cơ - Xương

Module hệ Da - Cơ - Xương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Module hệ Da - Cơ - Xương cung cấp cho người học các kiến thức về cấu trúc và chức năng bình thường của hệ thống Da - Cơ - Xương cùng mạch máu, thần kinh chi phối. Những kiến thức này giúp người học giải thích được một số biểu hiện bình thường và bệnh lý thường gặp trên lâm sàng cũng như cơ chế tác dụng của thuốc điều trị một số bệnh của hệ thống Da - Cơ - Xương. Phần thực hành cung cấp cho sinh viên những hình ảnh bình thường và bệnh lý hệ thống Da - Cơ - Xương minh họa cho phần lý thuyết. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận ca lâm sàng, tiêu bản, mô hình, tranh ảnh mẫu. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, chạy trạm, báo cáo nhóm. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO6, PLO8, PLO9, PLO19 mức độ trung bình; PLO17 mức độ cao của chương trình đào tạo.

31. Thực hành y khoa 2

Module Thực hành Y khoa 2 (POM 2) thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy- học ở kỳ học 4 của CTĐT. Module này trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám các hệ cơ quan tiêu hóa, tiết niệu, da - cơ - xương - khớp và một số kỹ thuật: băng cơ bản, cố định gãy xương; đặt sonde tiêu, sonde dạ dày; nhận biết dụng cụ y khoa cơ bản. Module này cũng trang bị cho người học có thái độ đúng mực nhưng thân thiện khi giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học bằng bảng kiểm, đóng vai và dạy học mô phỏng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá bằng bảng kiểm và OSCE. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO6, PLO7 mức độ thấp; PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

32. Hệ nội tiết – Sinh sản

Module Nội tiết - Sinh sản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Module này trang bị cho người học kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ nội tiết, hệ sinh dục ở người bình thường; những kiến thức này giúp người học giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ nội tiết, hệ sinh dục cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp người học học các môn học trong

các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, thảo luận ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, đánh giá chuyên cần. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra chuẩn đầu ra PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO14 mức độ thấp và PLO1, PLO17, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

33. Hệ thần kinh

Module thần kinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về cấu trúc đại thể, vi thể và hoạt động chức năng của hệ thần kinh. Từ đó, giúp người học giải thích được cơ chế bệnh sinh, cơ chế tác dụng của thuốc trong một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Ca lâm sàng, Đảo chiều... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, chạy trạm... Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO17 mức độ thấp, PLO1 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

34. Thực hành y khoa 3

Module Thực hành Y khoa 3 (POM 3) thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Module này trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám các hệ cơ quan nội tiết, sinh sản, thần kinh và một số kỹ thuật: khám phân phụ, đặt mỏ vịt, xử trí vết thương phêm mềm. Module này cũng trang bị cho người học kỹ năng biện luận lâm sàng sớm, kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học bằng bảng kiểm, đóng vai và dạy học mô phỏng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá bằng bảng kiểm và OSCE. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO6, PLO7 mức độ thấp; PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

35. Tính chuyên nghiệp

Học phần tính chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy ở học kỳ 3 của chương trình đào tạo. Học phần gồm có 3 phần nội dung cơ bản phần 1 là nội dung cơ bản về tính chuyên nghiệp đó là cơ sở lý luận để hình thành tính chuyên nghiệp trong y khoa, tâm lý người bệnh, đạo đức y học; phần 2 là các kiến thức để thực hiện học tập một cách chuyên nghiệp (thông qua các kỹ năng lập kế hoạch, thảo luận nhóm, thuyết trình, tư duy phản biện, biện luận lâm sàng...) cũng như đạt mục tiêu thực hành nghề nghiệp chuyên nghiệp sau này; phần 3 là các kiến thức cơ bản về các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền và các chủ đề về an toàn người bệnh, sự cố y khoa. Từ đó giúp các bác sỹ YHDP tương lai có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm

việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá bằng kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và kết thúc học phần. Phương pháp đánh giá người học là chấm điểm chuyên, tự luận hoặc MCQ. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO2, PLO6, PLO11, PLO17 mức độ trung bình, PLO14, PLO15 mức độ cao của chương trình đào tạo

36. Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp

Học phần Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng mức tự chủ và trách nhiệm về các vấn đề sức khỏe và môi trường tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; cùng với các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người, nhận thức đầy đủ về vai trò của môi trường và Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người dân và người lao động. Các phương pháp dạy- học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12 mức độ cao và PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

37. Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số

Học phần TCQLYT - Chương trình YT quốc gia - Dân số thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy-học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức chung về tổ chức nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam, chu trình quản lý y tế cơ bản và tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia đặc biệt tại tuyến Y tế cơ sở. Đồng thời, học phần cũng đề cập đến các kiến thức về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, chiến lược Dân số của quốc gia. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá người học có thể bằng trắc nghiệm hoặc tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO2, PLO4, PLO5, PLO 8, PLO 9, PLO 10, PLO 18, PLO20 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

38. Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm

Học phần Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về dinh dưỡng cơ sở gồm có: vai trò, nguồn gốc, nhu cầu các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân nhóm thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm để có thể đánh giá tình trạng dinh dưỡng, đánh giá và

xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho một số đối tượng cụ thể, phòng chống các bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thao tác kỹ thuật thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận, lượng giá thực hành bằng bảng kiểm thực hành và thi viết tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12 mức độ cao và PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

39. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

Học phần giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy-học vào kỳ học 8 của CTĐT. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi, truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe và các kỹ năng về lập kế hoạch truyền thông, thực hiện một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm và tư vấn sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một bác sỹ y khoa tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc làm sau này của người thầy thuốc. Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng để làm nền tảng cho các bộ môn lâm sàng vận dụng các tình huống cụ thể để giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, gia đình và cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và thực hành đóng vai. Hình thức lượng giá sinh viên là trắc nghiệm và sử dụng bảng kiểm. Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra PLO2, PLO20 mức độ trung bình; PLO9, PLO11 mức độ cao của chương trình đào tạo.

40. Khoa học môi trường sinh thái

Học phần Khoa học môi trường sinh thái thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về các quy luật cơ bản về môi trường sinh thái như cấu trúc của hệ sinh thái, đặc điểm của hệ sinh thái, một số hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh thái. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình và PLO12 mức độ cao của chương trình đào tạo.

41. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; các kỹ năng để thực hành y học dựa vào bằng chứng và thực hiện các nghiên cứu khoa học phù hợp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống và thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: viết tự luận, bảng kiểm, vấn đáp và

báo cáo chuyên đề. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO3, PLO8, PLO16 mức độ thấp; PLO1 mức độ trung bình; PLO17 mức độ cao của chương trình đào tạo.

42. Dịch tễ học cơ sở

Học phần Dịch tễ học cơ sở thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về dịch tễ học, về các tính toán đo lường trong dịch tễ học và nguyên lý, biện pháp giám sát phòng chống dịch; đồng thời cung cấp các kỹ năng cơ bản cho người học trong công tác phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống và thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQs, viết tự luận, vấn đáp và bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO4, PLO17, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO9 mức độ trung bình; PLO12 mức độ cao của chương trình đào tạo.

43. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần CĐHA gồm 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần CĐHA cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm hình ảnh x quang, siêu âm một số bệnh lý thường gặp ở các cơ quan. Từ đó, sinh viên có thể phân tích, chẩn đoán một số bệnh thường gặp trên siêu âm, x quang giúp đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm, vấn đáp, MCQ. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO6, PLO7 mức độ trung bình; PLO17 mức độ thấp của chương trình đào tạo.

44.1. Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở, được dạy - học ở kỳ học thứ 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về Dược lâm sàng cơ bản. Chương trình lý thuyết bao gồm các nội dung cách tiếp cận với mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; các thông số dược động học cơ bản; tương tác thuốc; hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, các phản ứng bất lợi của thuốc, nguyên tắc sử dụng một số thuốc thông thường. Trong thực hành, học viên được hướng dẫn cách tính các thông số dược động học cơ bản như sinh khả dụng, thời gian bán thải, thể tích phân bố, hiệu chỉnh liều ở các đối tượng đặc biệt, phân tích những ca lâm sàng cụ thể liên quan đến sử dụng thuốc. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống lâm sàng tại phòng thực hành và bệnh viện, kỹ năng tìm kiếm thông tin thuốc và cảnh giác dược. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, MCQ, thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo chuyên đề. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ cao, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

44.2. Kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm

Học phần Kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản lý và thanh, kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm, chỉ đạo tuyến trong hoạt động quản lý chất lượng an toàn thực phẩm, phụ gia thực phẩm, kiểm tra thực hành tốt an toàn thực phẩm và kiểm tra bảo quản thực phẩm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thao tác kỹ thuật thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận, lượng giá thực hành bằng bảng kiểm thực hành và thi viết tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

44.3. Một sức khỏe

Học phần một sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cách tiếp cận và các năng lực cốt lõi về Một sức khỏe. Ngoài học lý thuyết ra, sinh viên còn được thực hành các kỹ năng trong việc giải quyết bệnh truyền lây theo nguyên lý một sức khỏe. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, phân tích tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, chấm điểm các bài thực hành. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 mức độ trung bình; chuẩn đầu ra PLO8, PLO12, PLO17 mức độ cao của chương trình đào tạo.

44.4. Nhân học y học

Học phần Nhân học Y học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về khái niệm, cách tiếp cận nhân học y học, một số vấn đề sức khỏe và yếu tố văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở một số khu vực Việt Nam và các thách thức trong chăm sóc sức khỏe người dân tộc thiểu số. Học phần cũng cung cấp một số kỹ năng giao tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, kỹ năng giải quyết tình huống khi làm việc với người dân tộc thiểu số. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp, bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO8, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

45. Nội cơ sở

Học phần Nội cơ sở là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, cách thức tiếp cận/đánh giá đối với một số hội chứng/chứng bệnh thường gặp trong Nội khoa; đồng thời, học phần giúp SV có cơ hội trải nghiệm trong môi trường bệnh viện với các bệnh nhân thật để thực hành các kỹ năng giao tiếp, hỏi bệnh, khám bệnh, đề xuất và phân tích kết quả xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng, trên cơ sở đó dần tạo dựng khả năng biện luận lâm sàng trong lĩnh vực Nội khoa; thông qua

hoạt động thực hành lâm sàng cũng giúp hình thành tính tự chủ và trách nhiệm của SV. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học dựa trên vấn đề (PBL), dạy học dựa trên ca bệnh (CBL) đối với các nội dung lý thuyết; phương pháp dạy học lâm sàng có sự tham gia và không có sự tham gia của người bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bài tập tình huống với nội dung lý thuyết; quan sát trực tiếp với bảng kiểm/thang điểm (kèm Rubric), Mini-CEX... Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO11, PLO12, PLO17 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

46. Ngoại cơ sở

Học phần Ngoại cơ sở gồm 4 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức giải thích nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong ngoại khoa. Vận dụng được các kiến thức của học phần Ngoại cơ sở trong việc tiếp cận, khai thác triệu chứng, thăm khám, đề xuất cận lâm sàng, định hướng chẩn đoán và rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sự cảm thông tôn trọng người bệnh trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, chăm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO15, PLO18 mức độ thấp; PLO1, PLO3, PLO12, PLO14 mức độ trung bình; PLO6 mức độ cao của chương trình đào tạo.

47. Nội bệnh lý 1

Học phần Nội bệnh lý 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về bệnh học (tập trung vào triệu chứng, chẩn đoán, điều trị/xử trí ban đầu, phòng bệnh) đối với một số bệnh lý và một số tình trạng cấp cứu thường gặp trong Nội khoa; đồng thời, thông qua các hoạt động thực hành lâm sàng, học phần giúp người học nâng cao mức độ thành thạo các kỹ năng đã học ở năm thứ 3 như kỹ năng giao tiếp, khai thác bệnh sử, tiền sử, khám bệnh... dần hình thành năng lực thực hành như chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh, và tư vấn người người bệnh; bên cạnh đó nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của SV. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học dựa trên vấn đề (PBL), dạy học dựa trên ca bệnh (CBL) đối với các nội dung lý thuyết; phương pháp dạy học lâm sàng có sự tham gia và không có sự tham gia của người bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bài tập tình huống với nội dung lý thuyết; quan sát trực tiếp với bảng kiểm/thang điểm (kèm Rubric), Mini-CEX... Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO12, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO11 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

48. Ngoại bệnh lý 1

Học phần Ngoại bệnh lý 1 gồm 4 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức để giải thích được cơ chế các triệu chứng, các nguyên tắc sơ cứu, phương pháp điều trị, chỉ định, chống chỉ định của một số kỹ thuật thăm khám, xét nghiệm phục vụ chẩn đoán. Dự phòng một số vấn đề cấp cứu và bệnh lý thường gặp vùng bụng và hậu môn, bóng và chấn thương cơ quan vận động. Vận dụng được các kiến thức của học phần Ngoại bệnh lý 1 trong việc chẩn đoán, nguyên tắc điều trị trong một số vấn đề cấp cứu và bệnh thường gặp vùng bụng và hậu môn, bóng và chấn thương cơ quan vận động. Rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sự cảm thông tôn trọng người bệnh trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, chăm bệnh án, chăm nghiên cứu ca bệnh, thi vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO15, PLO18 mức độ thấp; PLO1, PLO3, PLO12, PLO14 mức độ trung bình; PLO6, PLO7, PLO8 mức độ cao của chương trình đào tạo.

49. Sản-Phụ khoa 1

Học phần Sản phụ khoa 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức về sản cơ sở, sản thường, sản khó. Từ những kiến thức này giúp sinh viên giải thích sinh lý trong quá trình mang thai, chuyển dạ và thời kỳ hậu sản, từ đó nhận diện được các bệnh lý của bà mẹ và thai nhi liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học trên vấn đề, thảo luận ca bệnh, học trên người bệnh... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm, chỉ tiêu lâm sàng, chăm bệnh án, hỏi thi trên người bệnh. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình; PLO6, PLO7, PLO8 mức độ cao của chương trình đào tạo.

50. Nhi khoa 1

Học phần Nhi khoa 1 gồm 4 tín chỉ: 2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức Nhi khoa cơ sở. Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn lập luận chẩn đoán tiềm năng và chẩn đoán phân biệt một số bệnh về hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng, thiếu máu, xuất huyết thường gặp và được hướng dẫn một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa. Sinh viên tham gia trực tối thiểu 1 buổi/tuần. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi tại khoa dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận ca lâm sàng, dạy học bên giường bệnh, bảng kiểm, làm việc nhóm, dạy học trong giao ban, dạy học trong phiên trực. Các

phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, chấm chi tiêu lâm sàng, chấm bệnh án, Mini CEX, giải quyết tình huống lâm sàng, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân có bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

51. Y học cổ truyền

Học phần Y học cổ truyền thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận cơ bản của Y học cổ truyền, các phương pháp chữa bệnh bằng châm cứu, xoa bóp, thuốc nam, kết hợp Y học cổ truyền và Y học hiện đại điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng. Trên cơ sở những kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền, học viên có thể tiếp tục tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng Y học cổ truyền vào thực tiễn phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQ, chạy trạm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO6, PLO7, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

52. Dân số học

Học phần dân số học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về dân số học như sự biến động dân số, chất lượng dân số, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, kỹ năng xây dựng tháp dân số, dự báo biến động dân số dựa vào một số mô hình dân số. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO8, PLO9, PLO10 PLO1, PLO5, PLO20 mức độ trung bình và PLO18 mức độ cao của chương trình đào tạo.

53. Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức về bệnh truyền nhiễm. Sinh viên được tiếp cận với một số bệnh truyền nhiễm thường gặp thông qua hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn lập luận chẩn đoán xác định, định hướng điều trị và tư vấn về các biện pháp phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Trong quá trình thực hành người học được kiến tập/ thực hiện một số thủ thuật như chọc dò dịch não tủy, đặt sonde dạ dày, sonde bàng quang, cách lấy một số loại bệnh phẩm để làm xét nghiệm như lấy dịch tỵ hầu, lam máu, bệnh phẩm phân.... Người học tham gia trực bệnh viện 01 lần/ tuần. Ngoài tham gia giờ giảng sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về điều trị, phòng bệnh dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận ca lâm sàng,

dạy học bên giường bệnh, làm việc nhóm, dạy học trong giao ban, dạy học trong buổi trực. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, chấm chỉ tiêu lâm sàng, khám trên bệnh nhân (bảng kiểm), nghiên cứu ca bệnh... Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO11, PLO12, PLO17, PLO18 và PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

54. Phục hồi chức năng

Học phần Phục hồi chức năng thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng, chẩn đoán, ra chỉ định và thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản, đúng quy trình trong điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, chấm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO14, PLO17, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

55. Ung thư

Học phần/module Ung thư thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần/module trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ung thư đại cương, được tiếp cận với một số bài bệnh học ung thư thường gặp như ung thư vú, ung thư phế quản phổi, ung thư vòm mũi họng; các kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số bệnh ung thư thường gặp, một số thủ thuật cơ bản trong ung thư. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, chấm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO14, PLO17, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

56. Nội bệnh lý 2

Học phần Nội bệnh lý 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về bệnh học (tập trung vào triệu chứng, chẩn đoán, điều trị/xử trí ban đầu, phòng bệnh) đối với một số bệnh lý và một số tình trạng cấp cứu thường gặp trong Nội khoa; đồng thời, thông qua các hoạt động thực hành lâm sàng, học phần giúp người học nâng cao

mức độ thành thạo các kỹ năng đã học ở những năm học lâm sàng trước như kỹ năng giao tiếp, khai thác bệnh sử, tiền sử, khám bệnh... dần hình thành năng lực thực hành như chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh, và tư vấn người bệnh; bên cạnh đó nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm của SV. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học dựa trên vấn đề (PBL), dạy học dựa trên ca bệnh (CBL) đối với các nội dung lý thuyết; phương pháp dạy học lâm sàng có sự tham gia và không có sự tham gia của người bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bài tập tình huống với nội dung lý thuyết; quan sát trực tiếp với bảng kiểm/thang điểm, Mini-CEX... Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO12, PLO18, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO11, PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

57. Ngoại bệnh lý 2

Học phần Ngoại bệnh lý 2 gồm 3 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để giải thích được cơ chế các triệu chứng, các nguyên tắc sơ cứu, phương pháp điều trị, chỉ định, chống chỉ định của một số kỹ thuật thăm khám, xét nghiệm phục vụ chẩn đoán các bệnh lý, chấn thương tiết niệu. Dự phòng một số vấn đề cấp cứu và bệnh lý thường gặp ở cơ quan tiết niệu. Vận dụng được các kiến thức của học phần Ngoại bệnh lý 2 trong việc chẩn đoán, nguyên tắc điều trị trong một số vấn đề cấp cứu và bệnh thường gặp về tiết niệu. Rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sự cảm thông tôn trọng người bệnh trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, chăm bệnh án, chăm nghiên cứu ca bệnh, thi vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO15, PLO18 mức độ thấp; PLO1, PLO3, PLO12, PLO14 mức độ trung bình; PLO 6, PLO7, PLO8 mức độ cao của chương trình đào tạo.

58. Sản-Phụ khoa 2

Học phần sản phụ khoa 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 10 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức về chảy máu sản khoa 3 tháng đầu, 3 tháng cuối và thai nghén nguy cơ cao. Từ những kiến thức này giúp người học nhận diện được các bệnh lý của bà mẹ và thai nhi liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học trên vấn đề, thảo luận ca bệnh, học trên người bệnh... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm, chỉ tiêu lâm sàng, chăm bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.. Học

phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình; PLO6, PLO7, PLO8 mức độ cao của chương trình đào tạo.

59. Nhi khoa 2

Học phần Nhi khoa 2 gồm 3 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 10 của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học kiến thức Nhi khoa bệnh học. Sinh viên được tiếp cận với một số bệnh lý Nhi khoa thường gặp thông qua hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn lập luận chẩn đoán xác định một số bệnh về hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng, thiếu máu, xuất huyết, thần kinh, bệnh lý sơ sinh thường gặp và được thực hành một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa. Sinh viên tham gia trực tối thiểu 01 buổi/tuần. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi tại khoa dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận ca lâm sàng, dạy học bên giường bệnh, bảng kiểm, làm việc nhóm, dạy học trong giao ban, dạy học trong phiên trực. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, chấm chỉ tiêu lâm sàng, chấm bệnh án, Mini CEX, giải quyết tình huống lâm sàng, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân có bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO10 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO11, PLO12, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

60. Truyền thông giáo dục sức khỏe chuyên ngành

Học phần Truyền thông giáo dục sức khỏe chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ngành y học dự phòng, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về truyền thông giáo dục sức khỏe đó là phân tích các mô hình hành vi sức khỏe, mô hình truyền thông cũng như lập được kế hoạch cho 01 chương trình TT-GDSK để giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên ở cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, đóng vai, phân tích vấn đề hay nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm các câu hỏi tự luận để kiểm tra, Bảng kiểm, chấm báo cáo nhóm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5 mức độ trung bình; PLO10, PLO11, PLO17, PLO20 mức độ cao của chương trình đào tạo.

61. Thực tập YHDP 1

Học phần/module Thực tập Y học dự phòng 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 10 của CTĐT. Học phần/module này trang bị cho người học các kỹ năng về tổ chức, quản lý và hoạt động của hệ thống y tế cơ sở, thực hiện chẩn đoán cộng đồng, lập kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng: giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng,

làm việc nhóm, tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thực địa tại cộng đồng, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm chỉ tiêu cá nhân, báo cáo nhóm với bảng kiểm sử dụng để lượng giá người học. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO6, PLO7, PLO12, PLO13, PLO17 mức độ trung bình; PLO 8, PLO9, PLO11 mức độ cao của chương trình đào tạo.

62. Thực tập YHDP 2

Học phần Thực tập Y học dự phòng 2 thuộc khối chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kỹ năng mức tự chủ và trách nhiệm về các phân tích cơ cấu, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa, phòng và trung tâm y tế ở tuyến huyện; Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, dinh dưỡng an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch tễ học, y học cộng đồng và y xã hội học; Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên đó tại trung tâm y tế huyện; Viết được báo cáo kết quả thực tập tại TTYT huyện; Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bảng kiểm, báo cáo chuyên đề. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ cao của chương trình đào tạo.

63. Bệnh Lao

Học phần Lao và bệnh phổi thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lao, được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các thể lao thường gặp trên lâm sàng, các thuốc điều trị lao thiết yếu và các phác đồ điều trị bệnh lao, các phương pháp phát hiện sớm và phòng bệnh lao trong cộng đồng. Học phần cũng giới thiệu về một số xét nghiệm đặc hiệu, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao: xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao, BACTEC - MGIT, PCR, Xpert MTB/RIF, chụp xquang phổi phát hiện các tổn thương lao, làm phản ứng mantoux, xét nghiệm máu. Trên cơ sở đó giúp cho người học thu nhận được những kiến thức cần thiết về bệnh lao, nhận thức được mối liên quan giữa môn bệnh học lao với các môn học khác và ứng dụng trong quá trình công tác tại cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận ca bệnh và giảng trên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bộ câu hỏi MCQ (Lý thuyết), chỉ tiêu lâm sàng, làm bệnh án bệnh nhân lao, thi vấn đáp (Lâm sàng). Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO19, PLO20 mức độ thấp; PLO1, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12 mức độ trung bình; PLO17, PLO18 mức độ cao của chương trình đào tạo.

64. Sức khỏe tâm thần

Học phần Sức khỏe tâm thần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần và một số bệnh lý tâm thần thường gặp, các phương pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe tâm thần. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng trong phát hiện các rối loạn tâm thần và cấp cứu tâm thần, các kỹ năng tư vấn, quản lý, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học dựa vào tình huống, thảo luận nhóm, dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm chỉ tiêu thực hành, lượng giá dựa vào bảng kiểm, trắc nghiệm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO6, PLO7, PLO12, PLO17, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

65. Y học gia đình

Học phần Y học gia đình thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 10 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học các khái niệm về Y học gia đình, các công cụ dùng để đánh giá gia đình, quản lý các bệnh không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở. Ngoài ra người học còn được thực hành các kỹ năng lập hồ sơ sức khỏe, lập kế hoạch chăm sóc cho các cá nhân và gia đình. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, làm bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá tự luận, trắc nghiệm khách quan, chấm bệnh án chỉ tiêu và bảng kiểm học và thi. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO5, PLO20 mức độ thấp; PLO4, PLO12, PLO18 mức độ trung bình; PLO9 mức độ cao của chương trình đào tạo.

66. Sử dụng các phần mềm để phân tích và quản lý số liệu

Học phần Sử dụng các phần mềm để phân tích và quản lý số liệu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức về việc sử dụng phần mềm để phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học và kiến thức về các phần mềm thống kê chuyên dụng trong công tác y học dự phòng. Học phần cung cấp kỹ năng giúp người học sử dụng thành thạo các phần mềm thống kê chuyên dụng và phân tích được số liệu nghiên cứu khoa học trên phần mềm thống kê phổ biến. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, bài tập tình huống, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết tự luận, thực hành theo tình huống, vấn đáp và bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO17, PLO18, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO5, PLO8, PLO10, PLO12 mức độ trung bình; PLO13 mức độ cao của chương trình đào tạo.

67. Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng

Học phần phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bác sỹ y học dự phòng được dạy - học ở kỳ học 10 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng,

phương pháp đánh giá nhanh dựa vào cộng đồng để người bác sỹ dự phòng có thể thu thập được các bằng chứng trong việc phân tích các vấn đề sức khỏe ở cộng đồng cũng như viết báo cáo hay bài báo khoa học về chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, nêu vấn đề hay nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập cá nhân, tự luận, viết báo cáo. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO10, PLO12, PLO18 mức độ trung bình; PLO13 mức độ cao của chương trình đào tạo.

68. Dịch tễ học các bệnh lây và không lây

Học phần Dịch tễ học các bệnh lây và không lây thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về giám sát, phòng chống các bệnh lây truyền (tập trung vào các bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi) cũng như về các bệnh không lây phổ biến, các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp can thiệp cộng đồng trong phòng chống bệnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, bài tập tình huống, thảo luận nhóm và thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQs, báo cáo chuyên đề, vấn đáp và bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO4, PLO9, PLO10 mức độ thấp; PLO17 mức độ trung bình và PLO1 mức độ cao của chương trình đào tạo.

69. Sức khỏe môi trường và thảm họa

Học phần sức khỏe môi trường nâng cao thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 10 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về các vấn đề sức khỏe và môi trường, ô nhiễm môi trường, sức khỏe thảm họa. Các kỹ năng phân tích, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch dự phòng thảm họa, các biện pháp phòng ô nhiễm môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình và PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12 mức độ cao và của chương trình đào tạo.

70. Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế

Học phần Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức chung kinh tế và vận dụng trong kinh tế y tế, các nguồn lực cho ngành y tế, các phương pháp tính chi phí và đánh giá kinh tế y tế. Đồng thời, học phần cũng rèn kỹ năng đo lường gánh nặng bệnh tật và ứng dụng để thực hiện đánh giá kinh tế y tế. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá bằng kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần

và kết thúc học phần. Cách thức tiến hành lượng giá có thể bằng trắc nhiệm hoặc tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như sau: PLO1: mức độ trung bình và PLO4 mức độ thấp của chương trình đào tạo.

71. Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp

Học phần Sức khoẻ nghề nghiệp nâng cao thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về kiến thức cơ bản về phát hiện và quản lý tác hại nghề nghiệp do tác nhân vật lý, hoá học, sinh học, nguy cơ một số bệnh nghề nghiệp trong môi trường sản xuất, nguy cơ vi khí hậu bất lợi, giám sát nguy cơ ô nhiễm trong môi trường sản xuất. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình và PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12 mức độ cao của chương trình đào tạo.

72. Dinh dưỡng chuyên ngành

Học phần Dinh dưỡng chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về Dinh dưỡng chuyên ngành gồm dinh dưỡng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng, nguyên tắc và vai trò của dinh dưỡng tiết chế. Các chương trình chiến lược quốc gia về dinh dưỡng. Từ đó, sinh viên có khả năng xây dựng một chế độ ăn đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho các đối tượng khác nhau trong cộng đồng và bệnh viện. Đồng thời, sinh viên còn được rèn luyện những kỹ năng về xác định nhu cầu năng lượng cho đối tượng cụ thể, xây dựng khẩu phần, đánh giá thực đơn, phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tư vấn dinh dưỡng trong cộng đồng cũng như trong bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thao tác kỹ thuật thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận, lượng giá thực hành bằng bảng kiểm thực hành và thi viết tự luận. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình và PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12 mức độ cao và của chương trình đào tạo.

73. An toàn thực phẩm chuyên ngành

Học phần An toàn thực phẩm chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về An toàn thực phẩm chuyên ngành gồm bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm, các hình thức ngộ độc thực phẩm, phụ gia thực phẩm, an toàn thực phẩm chế biến sẵn, Quản lý và thanh kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm. Đồng thời, sinh viên còn

được rèn luyện những kỹ năng về kỹ thuật lấy mẫu, bảo quản và chuẩn bị mẫu thực phẩm phục vụ cho xét nghiệm DD và ATTP, kỹ thuật kiểm tra một số chất độc trong thực phẩm, kiểm tra an toàn, vệ sinh thực phẩm thức ăn đường phố. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thao tác kỹ thuật thực hành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thao tác kỹ thuật thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận, lượng giá thực hành bằng bảng kiểm thực hành và thi viết tự luận. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình và PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12 mức độ cao và của chương trình đào tạo.

74.1. Kiểm soát nhiễm khuẩn

Học phần kiểm soát nhiễm khuẩn gồm 2 tín chỉ (01/01) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bác sĩ y học dự phòng được giảng dạy ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về nhiễm khuẩn bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng ngừa chuẩn trong lĩnh vực y học dự phòng. Đồng thời, trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, kỹ năng phòng ngừa được các bệnh nhiễm quan trọng trong lĩnh vực y học dự phòng tại bệnh viện và cộng đồng. Rèn tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với nhân viên y tế để triển khai các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn, chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận tình huống ca lâm sàng, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết tự luận, case study, chấm chỉ tiêu lâm sàng, lượng giá quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn dựa trên bảng kiểm. Học phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO12, PLO17 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

74.2. Tiêm chủng mở rộng và vaccin trong công tác phòng chống dịch bệnh

Học phần Tiêm chủng mở rộng và vaccin trong công tác phòng chống dịch bệnh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức về tầm quan trọng của tiêm chủng và các loại vaccin trong công tác phòng chống dịch bệnh; trang bị các kỹ năng về tư vấn, lựa chọn các loại vaccin và lập kế hoạch tiêm chủng cho cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình tích cực, thảo luận nhóm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, viết tự luận, vấn đáp, bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO17 mức độ trung bình; PLO1, PLO4, PLO9 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.3. Tiếp thị xã hội

Học phần tiếp thị xã hội thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về tiếp thị xã hội, ứng dụng tiếp thị xã hội trong can thiệp thay đổi hành vi ở quy mô lớn và quy mô nhỏ, tìm hiểu về các nhân tố chính trong tiếp thị hỗn hợp. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích về nghiên cứu ban đầu, thông điệp, sản phẩm truyền thông và sử dụng truyền thông đại chúng. Bên cạnh đó người học còn được thực hành xây dựng kế hoạch xúc tiến nói riêng và kế hoạch tổng thể của chương trình tiếp thị xã hội nói chung. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập tiểu luận và thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm báo cáo cá nhân, báo cáo nhóm và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO2, PLO4, PLO9, PLO11, PLO17, PLO19 mức độ trung bình, PLO17 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.4. Giám sát môi trường

Học phần Giám sát môi trường thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về những kiến thức cơ bản về xu hướng và chính sách sức khỏe môi trường toàn cầu, hệ thống quản lý sức khỏe môi trường ở Việt Nam, vấn đề sức khỏe môi trường ở Việt Nam, các chương trình sức khỏe môi trường được triển khai ở cấp toàn cầu, hoạt động và các bước lập kế hoạch quản lý sức khỏe môi trường. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình và PLO12 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.5. Gây mê hồi sức

Học phần gây mê hồi sức thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở học kỳ 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng gây mê, gây tê cơ bản, cũng như hồi sức bệnh nhân trong và sau mổ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, đi buồng, bảng kiểm, bình bệnh án và hướng dẫn thủ thuật. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm, quan sát trực tiếp thực hành lâm sàng theo bảng kiểm, đánh giá các chỉ tiêu lâm sàng. Học phần đóng góp vào PLO17, PLO19 mức độ trung bình; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.6. Y pháp

Học phần Y pháp thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần Y pháp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tử thi học, thương tích chấn thương, vật gây thương tích cũng như các hình thái tử vong

thường gặp: Chết do chấn thương, do ngộ độc, do treo cổ, ngạt nước, ngạt CO.... Từ đó, giúp người học sau khi ra trường biết cách xử lý khi gặp các trường hợp thương tích y pháp và các hình thái tử vong liên quan đến pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận ca lâm sàng, Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, báo cáo nhóm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO12, PLO19 mức độ trung bình; PLO17 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.7. An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế

Học phần An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về các vấn đề cơ bản của an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế, những yếu tố nguy cơ nghề nghiệp trong ngành y tế, những vấn đề về an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế dự phòng, khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, trong sản xuất và cung ứng dược phẩm, kỹ năng sử dụng hóa chất khử khuẩn dụng cụ, xử lý một số sự cố thường gặp trong hoạt động nghề nghiệp vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hoá - xã hội đặc thù theo từng vùng miền trong bảo vệ sức khoẻ của người dân liên quan đến an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO17, PLO18, PLO19 mức độ trung bình và PLO12 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.8. Dinh dưỡng lứa tuổi

Học phần Dinh dưỡng lứa tuổi thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về dinh dưỡng gồm có: vai trò, nguồn gốc, nhu cầu các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. Đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức về phân nhóm thực phẩm và an toàn thực phẩm để có thể đánh giá được tình trạng dinh dưỡng và xây dựng được bữa ăn hợp lý theo lứa tuổi, phòng chống các bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thao tác kỹ thuật thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận, lượng giá thực hành bằng bảng kiểm thực hành và thi viết tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO8, PLO12, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

74.9. Quản lý nguồn lực

Học phần Quản lý nguồn lực thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kiến thức và kỹ

năng về phương pháp Quản lý nguồn lực y tế như quản lý nhân lực, quản lý cơ sở vật chất trang thiết bị y tế cũng như quản lý tài chính để người bác sỹ dự phòng có thể thực thi được các vị trí việc làm của mình trong mạng lưới dự phòng để chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, nêu vấn đề hay nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm các câu hỏi tự luận để kiểm tra và báo cáo. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 1, PLO 5, PLO9, PLO10 mức độ trung bình, PLO 4, 20 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.10. Da liễu

Học phần Da liễu thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, dự phòng và tư vấn giáo dục sức khỏe về một số bệnh da và hoa liễu thường gặp, mức tự chủ và trách nhiệm về quyết định cá nhân trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng và tư vấn giáo dục sức khỏe về một số bệnh da và hoa liễu thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, case study, dạy học bằng bảng kiểm, dạy học bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO8, PLO12, PLO17, PLO18, PLO20 mức độ trung bình và PLO11 mức độ cao của chương trình đào tạo.

74.11. Mắt

Học phần Mắt thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về triệu chứng, lập luận chẩn đoán, xử trí một bệnh lý nhãn khoa thường gặp; các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt: cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn với bệnh nhân và người nhà cách phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, chăm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO14, PLO17, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

74.12. Tai mũi họng

Học phần Tai – Mũi – Họng thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về một số bệnh lý và cấp cứu tai mũi họng thường gặp trong cộng đồng; các kỹ năng cơ

¹ Ghi kỳ học thuộc CTĐT theo Cấu trúc CTĐT (Curriculum Structure)

bản về khám và điều trị trong chuyên khoa tai mũi họng bao gồm: cách khám tai mũi họng thông thường; các thủ thuật điều trị ngoại trú; cách điều trị, xử trí cấp cứu; cách chăm sóc tai mũi họng và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh tai mũi họng thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, châm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO14, PLO17, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

74.13. Thần kinh

Học phần Thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp; kỹ năng khám xác định các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, thực hành chẩn đoán, xử trí một số tình trạng cấp cứu và bệnh lý thần kinh thường gặp trên các bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa, phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, châm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO14, PLO17, PLO19 (mức độ thấp); PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

74.14. Răng – Hàm – Mặt

Học phần Răng - Hàm - Mặt thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Răng và bộ răng, bệnh sâu răng, bệnh lý tủy và vùng quanh cuống răng, bệnh vùng quanh răng, viêm nhiễm răng miệng- hàm mặt, khe hở môi - vòm miệng, khối u vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, mối liên quan giữa răng miệng và sức khỏe toàn thân, chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu. Đồng thời sinh viên còn được hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám, phát hiện, ra chỉ định xử trí và tư vấn phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu ca bệnh, bảng kiểm, thảo luận nhóm, giảng bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bảng thang điểm đánh giá kỹ năng thăm khám lâm sàng, châm bệnh án. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO14, PLO17, PLO19 mức độ thấp; PLO1, PLO6, PLO7, PLO8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

75. Thực tế tốt nghiệp

Học phần thực tế tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kỹ năng mức tự chủ và trách nhiệm về các phân tích cơ cấu, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa, phòng và trung tâm y tế CDC tuyến tỉnh; Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, dinh dưỡng an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch tễ học, y học cộng đồng và y xã hội học; Lựa chọn được vấn đề sức khỏe để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên đó tại trung tâm CDC tuyến tỉnh; Viết được báo cáo kết quả thực tập tại trung tâm CDC; Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bảng kiểm, báo cáo chuyên đề. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra PLO1, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20 mức độ cao của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất

Khoa Y tế công cộng được thành lập vào ngày 21 tháng 4 năm 2010 gồm có 05 bộ môn: Y xã hội học, Y học cộng đồng, Dịch tễ, Sức khỏe Môi Trường và Sức khỏe nghề nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo 2 Bộ môn: sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp được sát nhập thành Bộ môn Sức khỏe Môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp theo quyết định Số: 828/QĐ-YD, ngày 02/08/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược. Hiện nay khoa Y tế công cộng gồm có 05 bộ môn: Y xã hội học, Y học cộng đồng, Dịch tễ, Sức khỏe Môi Trường - Sức khỏe nghề nghiệp. Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm.

Khoa Y tế công cộng có nhiệm vụ:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động giảng dạy, lượng giá cho các đối tượng sinh viên, học viên khi học tập các môn thuộc khoa.
- Triển khai thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, lượng giá sinh viên phù hợp với thực tiễn.
- Đề xuất và thực hiện các đề tài khoa học các cấp, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Đề xuất và tổ chức thực hiện chuyển giao ứng dụng khoa học và kỹ thuật về lĩnh vực của khoa, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên ngành (hội nghị khoa học chuyên ngành, báo cáo khoa học tại các hội nghị chuyên ngành).
- Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng.
- Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy; học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bố trí thiết bị dạy – học, thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa.

Khoa YTCC hiện nay có 01 giáo sư, 03 phó giáo sư, 8 tiến sĩ, 01 Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, 12 thạc sĩ, 02 Bác sĩ, 03 kỹ thuật viên có trình độ trung học, 01 chuyên viên, 02 y công.

Trong những năm qua, tập thể các thể hệ cán bộ giảng viên của khoa Y học cơ sở đã góp phần rất lớn trong đào tạo nhân lực cho ngành y tế các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: ngày 16/10/2007

XV. Tiến trình cập nhật

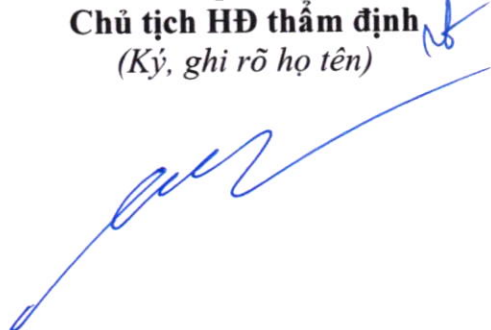
TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Thay đổi tín chỉ và các học phần lý luận chính trị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	29/7/2016		
2	Cập nhật chuẩn đầu ra Bổ sung và điều chỉnh thêm 1 số học phần và số tín chỉ của chương trình đào tạo theo hướng tăng thời lượng thực hành, tích hợp các học phần cơ sở ngành. Tăng cường giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (14 tín chỉ) Tổ chức giảng dạy lâm sàng sớm từ năm thứ 2 Bổ sung các học phần tự chọn Bổ sung phần khoá luận tốt nghiệp Tăng thời lượng thực tập tốt nghiệp	10/2021		

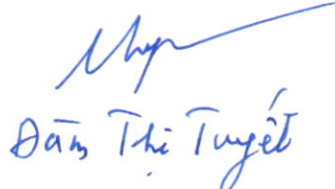
XVI. Thành phần phê duyệt

Chủ tịch HĐ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch Hội đồng
Khoa/Bộ môn**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**
(Ký, ghi rõ họ tên)




Đào Thị Tuyết

